

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/07/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+CNV+BK9	7:25	10+6+5	0+0+0		7+7+8	0+0+0	
2		P2+CTK3+BK8	7:25	7+13+0	0+0+0		6+13+3	0+0+0	chuyen 3 p2- ctk3
3		TTCl+PPD+BK5	9:25	1+20+0	0+0+0		1+19+2	0+0+0	
4		BK20+P1+CTK3	9:25	1+3+15	0+0+0		1+3+17	0+0+0	
5		T.UNG	11:00	18	0		18	0	
6		RC6+RP2+BK14	11:25	1+13+8	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
7		HST+TGTH1+AMD	11:25	3+5+8	0+0+0		3+5+11	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: AMD - CNV - BK9	CREW: HU'NG - ĐNam - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

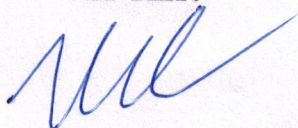
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAN CANH THINH	AMD	09-10	2	12		75	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN LE HONG VU	AMD	08	1	7		62	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH DUY	AMD	04	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN LE HOA	AMD	800	1	5	60	60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH VAN PHA	AMD	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN TAN TRI	AMD	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	YA LOC	AMD	01-02	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THUY	AMD	03	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU HUU CHINH	AMD	06	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG LONG	AMD	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG MANH	CNV	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	DAO THE HUNG	CNV	76	1	5	15	72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG TAN	CNV	77,79	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHUNG VAN KHANH	CNV	74	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VU QUANG HAI	CNV	80	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG THAI LONG	CNV	75	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	DUONG CHI TUYEN	BK9	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VU THE HAU	BK9					72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN HUU TRUNG	BK9	96-97	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN TRUNG KIEN	BK9					65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH SU	BK9	95	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

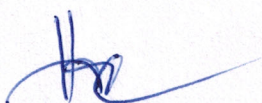
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	12	71	657	60	7		
2	CNV	6	7	42	406	15	7		
3	BK9	5	4	20	353	0	8		
TOTAL		21	23	133	1.416	75	22		
WEIGHT KG				133	1.416	75			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

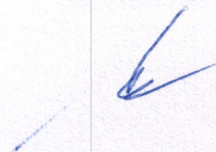
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2022	TO: P2 - CTK3 - BK8	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLinH - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG TUAN	P2	61	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
2	THAI MINH HAI	P2	70	1	10	30	78	T-TIN	Vietnamese
3	PHAM VAN TUAN	P2	69	1	6	15	59	T-TIN	Vietnamese
4	PHAM VAN ĐỨC	P2	63-64	2	18		70	T-TIN	Vietnamese
5	ĐÀO XUÂN HÒA	P2	65-67	3	16		48	T-TIN	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC CUÔNG	P2	60	1	6		52	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY TÂM	P2	68	1	5		63	PSV	Vietnamese
8	CAO VĂN ĐẠU	CTK3	63	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	99	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	06	1	5		43	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	48	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
12	LY BĂNG	CTK3	97	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	03	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	86	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THIỆN TOÀN	CTK3	04	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG TUNG	CTK3	11	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	05	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HIỆU TRUNG	CTK3	49	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	98	1	4		68	HVJOC	Vietnamese
20	HOÀNG XUÂN HIỆU	CTK3	01-02	2	17		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN MAI SƠN	CTK3	96	1	5		68	VNH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

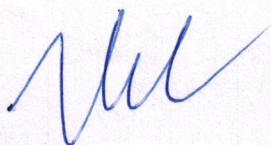
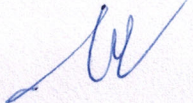
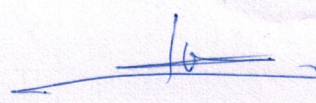
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	7	10	69	438	45	6+3		CHUYEN 3 PAX TU P2 SANG CTK3 1 NOI BO VE NGOI GHE PHU
2	CTK3	14	15	100	990	0	13	+1	
3	BK8	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	25	169	1.428	45	22		
WEIGHT KG				169	1.428	45			

GRAND TOAL: 1.642 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 03	TO: TTC1 - PPD - BK5	CREW: HUNG - ĐNam - DTùng	ETA: 13:20
VANG-2			

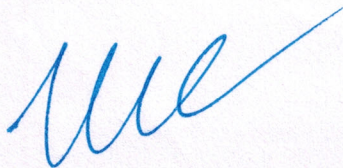
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH DOÀN TÙNG	TTC1	44	1	5	20	59	GETRACO	Vietnamese
2	ĐINH NGỌC QUY	PPD	89	1	5		75	KHI	Vietnamese
3	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	93	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	LÊ XUÂN MINH	PPD	87	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	82	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN THẮNG	PPD	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					57	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ QUANG HUY	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	PPD	80-81	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	78	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NHẬT QUANG	PPD	92	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN VINH	PPD	86	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DANH TUẤN	PPD	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	79	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	90-91	2	7		56	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VƯƠNG HÙNG	PPD					80	KHI	Vietnamese
21	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	PPD	84-85	2	10		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

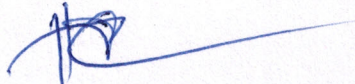
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	1	1	5	59	20	1		
2	PPD	20	18	87	1.413	0	19		
3	BK5	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		21	19	92	1.472	40	22		
WEIGHT KG				92	1.472	40			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

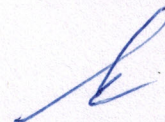
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2022	TO: BK20 - P1 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLinH - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

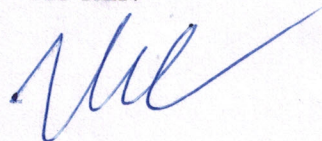
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VIỆT HÙNG	BK20	44	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THUẬN	P1	10-11	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH VĂN THẮNG	P1	12	1	5	30	65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRIỆU TÂN CÔNG SƠN	P1	09	1	5		64	PSV	Vietnamese
5	ĐOÀN QUANG TUẤN	CTK3	26-27	2	11		64	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	29	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN BẮC	CTK3	28	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC HIỆP	CTK3	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH CHUNG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	24	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CTK3	22-23	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	21	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN KHẮC THẮNG	CTK3	31	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	32	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI MINH HẢI	CTK3	30	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3					77	YTE	Vietnamese
17	BUI ĐỨC CHÍNH	CTK3	25	1	10		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

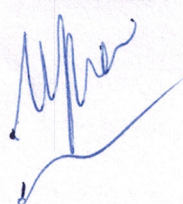
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	1	1	10	62	0	1		
2	P1	3	4	24	199	30	4		
3	CTK3	13	13	80	868	20	17		
TOTAL		17	18	114	1.129	50	22		
WEIGHT KG				114	1.129	50			

GRAND TOAL: 1.293 KGS

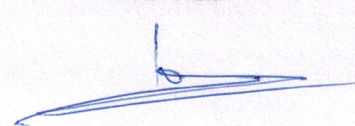
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:00
FLIGHT: 05	TO: T.UNG	CREW: Phương - MMinh	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN ĐẮC TÙY	T.UNG	12	1	5	40	60	PSV	Vietnamese
2	HỒ VĂN TÍNH	T.UNG	01	1	5		55	PSV	Vietnamese
3	LÊ VIỆT KHANG	T.UNG	06	1	5		67	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG					60	PVEP ITC	Vietnamese
5	ZELENSKII	T.UNG	03	1	5		92	KH-THAC	Russian
6	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VIỆT TUNG	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	14	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	11	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	KIỀU XUÂN TÂM	T.UNG	05	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	10	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	08	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN QUANG HÒA	T.UNG	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	16	1	5		70	YTE	Vietnamese
17	NGÔ TIẾN KHA	T.UNG	15	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN BA HIỆP	T.UNG	07	1	10		75	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

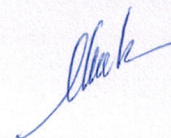
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	15	76	1.270	40	18		
TOTAL		18	15	76	1.270	40	18		
WEIGHT KG				76	1.270	40			

GRAND TOAL: 1.386 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 13:30
FLIGHT: 06	TO: RC6 - RP2 - BK14	CREW: HƯNG - N.Anh - PTUẤN	ETA: 15:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ANH TUẤN	RC6	82	1	7		69	CODIEN	Vietnamese
2	BUI ANH TUẤN	RP2	49-50	2	13		66	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN PHI HÙNG	RP2	43-44	2	7		60	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN TOÀN	RP2	36	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
5	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	RP2	41-42	2	15	20	75	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG QUANG HÙNG	RP2	47	1	5	16	75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÀ	RP2	29-30	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CHUNG	RP2	31	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THOONG	RP2	32	1	7	13	57	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	RP2	39	1	8	12	70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM TUẤN ANH	RP2	37	1	7	13	43	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN HUY ANH	RP2	45	1	7	13	90	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP2	34-35	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ĐÌNH PHÙNG	RP2	33	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM THAI	BK14	35	1	3	19	65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH TUẤN	BK14	17	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN CỎ	BK14	50	1	3		51	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH HÀ	BK14	32	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	30	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN TIỀN	BK14	29	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG	BK14	33	1	10		80	D-HANH	Vietnamese
22	LÊ QUANG HÀ	BK14	31	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

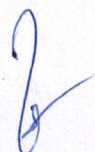
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	1	1	7	69	0	1		
2	RP2	13	18	143	886	87	7		
3	BK14	8	8	47	557	19	14		
TOTAL		22	27	197	1.512	106	22		
WEIGHT KG				197	1.512	106			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

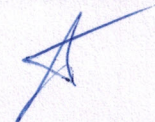
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	TO: HST - TGTH1 - AMD	CREW: HLONG - NKhánh	ETA: 13:15
trang-3			

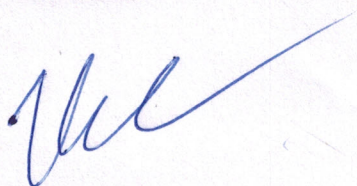
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ QUÂN	HST	62-63	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN PHẪNG	HST	54-55	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN THANH MAI	HST	56	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TÂN ANH DUC	TGTH1	09-10	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	13	1	12		62	HLJOC	Vietnamese
6	THAI THANH THAO	TGTH1	12	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VĂN GIANG	TGTH1	11	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	TGTH1	07-08	2	12		54	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI SY QUYEN	AMD	91	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	94-95	2	12	45	68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	87	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	AMD	82-84	3	14		78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ HOANG TRUNG ĐỨC	AMD	85-86	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TUÂN	AMD	92-93	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN LÊ MINH TOÀN	AMD	88-89	2	11		81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

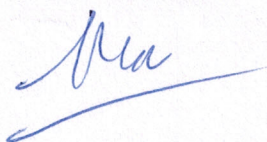
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	3	5	27	211	0	3		
2	TGTH1	5	7	47	327	0	5		
3	AMD	7	13	74	497	65	11		
TOTAL		15	25	148	1.035	65	19		
WEIGHT KG				148	1.035	65			

GRAND TOAL: 1.248 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

